TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2017/QĐST-DS	*C, ngày 01 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 13, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2017 thì ông Phạm Văn N2 tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Nhưng do ông N2 có làm đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp sự kiện bất khả kháng, đang rất khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã NL, huyện C xác nhận là sự thật vào ngày 26 tháng 10 năm 2017. Vì vậy, Tòa án giảm 50% trên phần số tiền án phí mà ông N2 có nghĩa vụ nộp bằng 306.000 đ (Ba trăm lẻ sáu nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lai Thị N1, sinh năm: 1952.

Nơi đăng ký HKTT: ấp Đ, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: số AB, đường HV, khóm e, phường f, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn N2, sinh năm: 1950.

Cư trú tại: ấp RM, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vào ngày 24 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn bà Lai Thị N1 có đơn tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Ngô Thị S, sinh năm: 1954, địa chỉ: ấp RM, xã NL, huyện C, tỉnh Trà Vinh (là vợ của bị đơn ông Phạm Văn

N2) và chỉ yêu cầu một mình ông N2 có nghĩa vụ trả lại tài sản cho bà N1. Bị đơn ông N2 thống nhất việc nguyên đơn bà N1 rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bà S. Do đó, Tòa án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà N1 đối với bà S.

- ***Về tài sản phải trả***: Bà Lai Thị N1 và ông Phạm Văn N2 thống nhất tự nguyện thỏa thuận: Bà N1 yêu cầu đòi lại tài sản là số tiền 49.000.000 đ (Bốn mươi chín triệu đồng) đối với ông N2. Ông N2 tự nguyện trả cho bà N1 tài sản là số tiền 49.000.000 đ (Bốn mươi chín triệu đồng). Bà N1 thống nhất nhận số tiền trên.

- ***Về thời gian trả***: Bà Lai Thị N1 và ông Phạm Văn N2 tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm***:

Bà Lai Thị N1 tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N1 đã nộp là 1.225.000 đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0012589 ngày 06 tháng 10 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà N1 1.000.000 đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn N2 tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm là 694.000 đ (Sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo